

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1102~~ /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường từ Trung tâm xã Xuân Lẹ đi thôn Đông Bai, xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân (NQ30a)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Văn bản số 8872/BKHĐT-KTĐPLT ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án khởi công mới tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 5020/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Đường từ Trung tâm xã Xuân Lẹ đi thôn Đông Bai, xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1017/SKHĐT-TĐ ngày 28/3/2016 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường từ Trung tâm xã Xuân Lẹ đi thôn Đông Bai, xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân; của UBND huyện Thường Xuân tại Tờ trình số 391/TTr-UBND ngày 21/3/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường từ Trung tâm xã Xuân Lẹ đi thôn Đông Bai, xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân với những nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên dự án:** Đường từ Trung tâm xã Xuân Lẹ đi thôn Đông Bai, xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân.
- 2. Chủ đầu tư:** UBND huyện Thường Xuân.
- 3. Đơn vị tư vấn lập dự án:** Công ty CP Tư vấn xây dựng Vinasean.

4. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông trong vùng, cải thiện điều kiện đi lại của nhân dân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và góp phần xóa đói, giảm nghèo cho nhân dân xã Xuân Lẹ và các xã lân cận.

5. Quy mô đầu tư: Đầu tư nâng cấp 02 tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp B theo Tiêu chuẩn TCVN 10380:2014 có tổng chiều dài $L = 6.540,81\text{m}$.

- Tuyến chính dài 5.746,95m, thuộc địa phận xã Xuân Lẹ: Điểm đầu Km0+00, tại điểm đầu tràn suối Đuông, thuộc Trung tâm xã Xuân Lẹ, nối tiếp với đường từ Bù Đồn đi Xuân Lẹ thuộc dự án đường đến trung tâm các xã chưa có đường ô tô; điểm cuối Km5+746,95, tại điểm cuối thôn Đuông Bai.

- Tuyến nhánh dài 793,86m thuộc địa phận thôn Bọng Nàng, xã Xuân Lẹ; điểm đầu giao với tuyến chính tại Km1+950,91 (rẽ trái theo hướng tuyến chính); điểm cuối Km0+793,86 tại cuối thôn Bọng Nàng.

6. Nội dung đầu tư, giải pháp kỹ thuật

a) Tuyến đường

Đường giao thông nông thôn cấp B theo Tiêu chuẩn TCVN 10380:2014
Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế:

- + Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 15\text{km/h}$;
- + Bề rộng nền đường: $B_n = 4,0\text{m}$;
- + Bề rộng mặt đường: $B_m = 3,0\text{m}$;
- + Bề rộng lề đường: $B_{lệ} = 2 \times 0,5\text{m} = 1\text{m}$;
- + Tàn suất thiết kế: $P = 4\%$.

Riêng đối với đoạn tuyến có bố trí rãnh thoát nước dọc gia cố bằng bê tông, mặt đường được mở rộng đến hết mép rãnh (bằng bề rộng nền đường).

- Kết cấu móng, mặt đường: Mặt đường BTXM M300 dày 20cm; 01 lớp giấy dầu ngăn cách và chống mất nước; móng đá dăm tiêu chuẩn dày 15cm.

- Kết cấu nền đường:

+ Nền đường đắp: Đắp bằng đất, đầm lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$; độ dốc mái ta luy nền đắp 1/1,5; mái ta luy được gia cố bằng trồng cỏ.

+ Nền đường đào: Đào nền đường đến cao độ đáy móng đường, đối với các đoạn nền đường đất, 30cm lớp sát đáy móng được xáo xới, đầm lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; mái ta luy từ 1/0,75-1/1 tùy theo cấp đất, đá.

+ Đối với các vị trí nền đường cũ bị sinh lún, đào xử lý nền đường đắp trả bằng đất đạt độ chặt $K \geq 0,95$.

- Nút giao: Thiết kế dạng nút giao dạng ngã ba, đồng mức.

- Vuốt nối đường ngang dân sinh đảm bảo êm thuận, chiều dài vuốt nối không nhỏ hơn 20m.

b) Công trình thoát nước

- Thoát nước dọc: Bằng chảy tỏa và rãnh dọc tiết diện hình thang; gia cố rãnh dọc bằng BTXM M150 đối với đoạn có độ dốc dọc $i > 6\%$.

- Thoát nước ngang: Toàn tuyến có 22 công trình thoát nước ngang các loại; cụ thể như sau:

+ Tuyến chính có 19 công trình thoát nước các loại, trong đó: giữ nguyên 15 cống còn tốt, khẩu độ (0,75-1,5)m; thanh lý, thiết kế mới 02 cống tròn, khẩu độ 1,5m; thiết kế mới 02 tràn liên hợp, khẩu độ cống thoát nước $B=2 \times 5,4\text{m}$ và $B=5,4\text{m}$; bề rộng mặt tràn $B_m=7,0\text{m}$, phần mặt đường xe chạy $B=6,0\text{m}$.

- Tuyến nhánh có 03 công trình thoát nước các loại, trong đó: thiết kế mới 01 cống tròn, khẩu độ 1,5m; thiết kế mới 02 tràn liên hợp, khẩu độ cống thoát nước $B=5,4\text{m}$ và $B=2,4\text{m}$; bề rộng mặt tràn $B_m=7,0\text{m}$, phần mặt đường xe chạy $B=6,0\text{m}$.

c) *Các điểm tránh xe*: Bố trí trung bình với khoảng cách 500m một điểm tránh xe có bề rộng mặt đường mở thêm rộng 3,0m; tổng chiều dài vị trí tránh xe là 15,0m; kết cấu mặt đường đoạn tránh xe giống phần tuyến.

d) *Hệ thống an toàn giao thông*: Bố trí đầy đủ theo quy chuẩn QCVN 41:2012/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ”.

7. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: Theo danh mục tại báo cáo thẩm định số 1033/SGTVT-TĐKHKT ngày 18/3/2016 của Sở Giao thông Vận tải.

8. Địa điểm xây dựng: Xã Xuân Lệ, huyện Thường Xuân.

9. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 19,3 ha.

10. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm C, công trình giao thông, cấp IV.

11. Phương án giải phóng mặt bằng: Đất trong khu vực thực hiện dự án được bồi thường và thu hồi theo quy định của Luật Đất đai và các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng.

12. Tổng mức đầu tư của dự án: 34.865 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	766 triệu đồng;
- Chi phí xây dựng:	25.809 triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	444 triệu đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.377 triệu đồng;
- Chi phí khác:	1.387 triệu đồng;
- Chi phí dự phòng:	4.082 triệu đồng.

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Hỗ trợ đầu tư huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NĐ-CP của Chính phủ).

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Thời gian thực hiện dự án: Không quá 3 năm (từ năm 2016 - 2018).

Điều 2. UBND huyện Thường Xuân chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong các bước tiếp theo, có trách nhiệm nghiên cứu thực hiện các ý kiến của Sở Giao thông Vận tải tại Báo cáo thẩm định số 1033/SGTVT-TĐKHKT ngày 18/3/2016 và của các ngành, đơn vị liên quan.

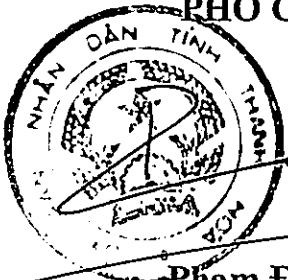
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Giao thông Vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá, Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Phạm Đăng Quyền;
- Lưu: VT, VX.huy30a

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

Phụ biên chi tiết
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
Công trình: Đường từ Trung tâm xã Xuân Lẻ đi thôn Đông Bai,
xã Xuân Lẻ, huyện Thường Xuân

(Kèm theo Quyết định số: 1102/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Hạng mục công trình	Cách tính	Thành tiền
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (G)		34.865,0
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB (Gmb)		766,0
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG (Gxd)		25.809,0
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN (Gql)	$Gxdtt * 1,892\%$	444,0
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XD (Gtv)		2.377,0
1	Khảo sát bước lập dự án đầu tư + lập dự án đầu tư	Quyết định số 3037/QĐ-UBND của UBND huyện Thường Xuân	483,6
2	Khảo sát bước lập TKBVTC	Tạm tính	600,0
3	Tư vấn lập TKBVTC-DT	$Gxd * 1,1604\%$	299,5
4	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu các gói thầu (xây dựng công trình, tư vấn, phi tư vấn)	$(Gxd + Gtv + Gk) * 0,2\%$	55,9
5	Tư vấn giám sát thi công xây dựng	$Gxd * 2,1283\%$	549,3
6	Giám sát, đánh giá dự án đầu tư	$Gql * 20\%$	88,7
7	Lập hồ sơ và cắm cọc GPMB	Tạm tính	150,0
8	Thẩm tra an toàn giao thông	nt	150,0
V	CHI PHÍ KHÁC (Gk)		1.387,0
1	Thẩm định dự án đầu tư	$TMĐT * 0,0162\%$	5,7
2	Thẩm định TKBVTC-DT	$Gxdtt * 0,197\%$	46,2
3	Bảo hiểm công trình	$Gxd * 0,215\%$	55,5
4	Chi phí kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Tạm tính	30,0
5	Thẩm định hồ sơ mời thầu các gói thầu (xây dựng công trình, tư vấn, phi tư vấn)	$(Gxd + Gtv + Gk) * 0,05\%$	14,0
6	Thẩm định KQĐT các gói thầu (xây dựng công trình, tư vấn, phi tư vấn)	$(Gxd + Gtv + Gk) * 0,05\%$	14,0
7	Thẩm tra phê duyệt quyết toán công trình	$TMĐT * 0,465\%$	189,3
8	Chi phí hạng mục chung		1.032,3
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG (Gdp)		4.082,0
1	Do khối lượng phát sinh	$(I + V) * 10\%$	3.078,3
2	Do yếu tố trượt giá	$(I + V) * 3,26\%$	1.003,7